



**VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM  
VIỆN KỸ THUẬT BIỂN**

**BẢN TIN TUẦN**

**Bản tin kỳ 4 đợt đo ngày 20/02/2023  
dự báo cho ngày 28/2÷06/03/2023**

**Nhiệm vụ:**

**Giám sát, dự báo chất lượng nước trong  
hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long  
Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông  
nghiệp năm 2023**

**TP. Hồ Chí Minh, tháng 02-2023**

**Địa chỉ: 658 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT: 84.8.38362821 - Fax: 84.8.39245269  
Website: [www.icoe.org.vn](http://www.icoe.org.vn)**

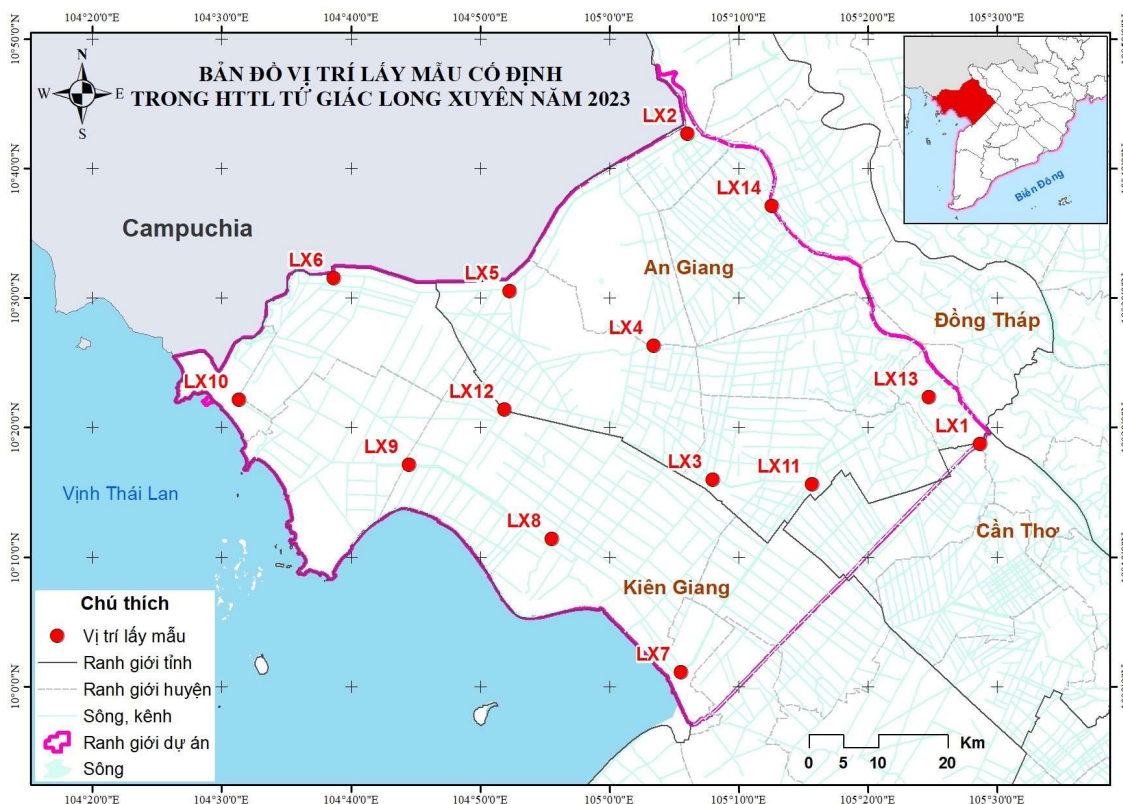
**ISO 9001:2015**

## BẢN TIN TUẦN

“Bản tin kỳ 4 đợt đo ngày 20/02/2023 dự báo từ ngày 28/2÷06/3/2023”

### 1. Vị trí dự báo chất lượng nước ngày 28/2÷06/3/2023

Nhiệm vụ quan trắc tại 14 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình 1.



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2023

### 2. Dự báo chất lượng nước ngày 28/2÷06/3/2023

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD<sub>5</sub>, NH<sub>4</sub><sup>+</sup> từ ngày 28/2/2023 đến 06/3/2023 được thể hiện qua các Bảng 1 đến Bảng 4 như sau:

#### 2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 13/2÷20/2/2023 dao động trong khoảng 0,00÷25,00‰, độ mặn được dự báo có xu hướng tăng lên so với giá trị thực đo ngày 20/02/2023 với mức độ tăng thấp.

Bảng 1: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 28/2÷06//2023

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							%	
		28/02	01/03	02/03	03/03	04/03	05/03	06/03	Min	Max
Đầu nguồn	LX1	0,01	0,01	0,01	0,01	0,02	0,02	0,02	0,01	0,02
	LX2	0,05	0,06	0,06	0,06	0,06	0,06	0,07	0,05	0,07
	LX13	0,12	0,10	0,10	0,10	0,09	0,08	0,08	0,08	0,12

phía sông Hậu	LX14	0,07	0,04	0,03	0,03	0,03	0,02	0,03	0,02	0,07
Khu vực giữa nội đồng	LX3	0,05	0,03	0,05	0,09	0,09	0,08	0,09	0,03	0,09
	LX4	0,03	0,02	0,01	0,02	0,01	0,01	0,01	0,01	0,03
	LX5	0,06	0,04	0,06	0,09	0,09	0,10	0,12	0,04	0,12
	LX6	0,19	0,18	0,18	0,18	0,18	0,19	0,19	0,18	0,19
	LX11	0,03	0,02	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,03
	LX12	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
Phía ven biển Tây	LX7	0,02	0,01	0,01	0,01	0,00	0,00	0,00	0,00	0,02
	LX8	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,00	0,00	0,01
	LX9	0,01	0,01	0,01	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,01
	LX10	25,00	24,95	24,88	24,82	24,77	24,70	24,63	24,63	25,00
<b>Ranh mặn</b>		<1 ‰	1‰-4‰	>4‰						
<b>Khuyến cáo</b>	- Từ ngày 28/2÷06/3/2023, nguồn nước khu vực canh tác lúa không bị nhiễm mặn có thể sử dụng cho canh tác lúa và hoa màu. - Độ mặn dự báo tại vị trí LX10 (khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên) vẫn nằm trong điều kiện thích hợp để nuôi tôm nước lợ nên người dân có thể yên tâm lấy nước vào ruộng tôm.									

## 2.2. Oxy hòa tan (DO)

Giá trị DO được dự báo trong HTTL TGLX dao động từ 4,89÷6,25 mg/l, giá trị DO dự báo có xu hướng giảm tại phần lớn các trạm quan trắc so với giá trị thực đo ngày 20/02/2023 nhưng sự chênh lệch ở mức thấp.

Bảng 2: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 28/2÷06//2023

Khu vực	Vị trí	Dự Báo								mg/l	
		28/02	01/03	02/03	03/03	04/03	05/03	06/03	Min	Max	
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	5,54	5,54	5,58	5,64	5,74	5,83	5,93	5,54	5,93	
	LX2	4,89	5,06	5,18	5,33	5,46	5,54	5,57	4,89	5,57	
	LX13	5,86	5,96	5,99	5,98	5,98	5,98	5,99	5,86	5,99	
	LX14	5,96	5,98	5,98	5,96	5,94	5,94	5,94	5,94	5,98	
Khu vực giữa nội đồng	LX3	5,60	5,74	5,80	5,80	5,80	5,80	5,81	5,60	5,81	
	LX4	5,68	5,85	5,88	5,90	5,91	5,92	5,93	5,68	5,93	
	LX5	5,09	5,12	5,15	5,23	5,30	5,36	5,43	5,09	5,43	
	LX6	5,56	5,60	5,66	5,73	5,80	5,86	5,91	5,56	5,91	
	LX11	5,82	5,82	5,87	5,92	5,97	6,02	6,06	5,82	6,06	
	LX12	5,25	5,26	5,27	5,32	5,36	5,39	5,45	5,25	5,45	
Phía ven biển Tây	LX7	5,60	5,65	5,71	5,79	5,87	5,95	5,98	5,60	5,98	
	LX8	6,17	6,18	6,19	6,22	6,25	6,24	6,21	6,17	6,25	
	LX9	5,52	5,54	5,56	5,56	5,60	5,65	5,72	5,52	5,72	
	LX10	5,94	5,96	5,95	5,95	5,95	5,95	5,98	5,94	5,98	
<b>QCVN 08 Cột A1</b>	>=6										
<b>QCVN 08 Cột B1</b>	>=4										
<b>Vượt cột B1</b>	<4										
<b>Khuyến cáo</b>	- Từ ngày 28/2÷06/3/2023, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị oxy hòa tan dự báo tại tất cả các vị trí đều trong giới hạn cho phép										

	của cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT nên đảm bảo cho bà con lấy nước phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản. - Ngoài ra, giá trị DO đang có xu hướng giảm nên bà con cần lưu ý theo dõi các bản tin tiếp theo để biết thêm thông tin chính xác.
--	--

### 2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD5)

Hàm lượng BOD<sub>5</sub> dự báo trong HTTL TGLX dao động từ 6,21÷24,20 mg/l, giá trị BOD<sub>5</sub> có sự biến động lớn ở các trạm quan trắc LX3, LX4, LX5 và LX9, các trạm còn lại có mức độ chênh lệch thấp so với giá trị thực đo ngày 20/02/2023.

Bảng 3: Giá trị dự báo BOD<sub>5</sub> tại các điểm giám sát từ 28/2÷06/3/2023

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		28/02	01/03	02/03	03/03	04/03	05/03	06/03	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	7,95	7,99	8,07	8,01	7,88	7,82	7,81	7,81	8,07
	LX2	6,96	6,66	6,22	6,21	6,44	6,63	6,77	6,21	6,96
	LX13	9,66	9,58	9,54	9,64	9,75	10,02	10,29	9,54	10,29
	LX14	11,68	11,85	12,01	12,18	12,32	12,49	12,68	11,68	12,68
Khu vực giữa nội đồng	LX3	11,65	12,14	12,98	15,11	16,80	18,40	19,61	11,65	19,61
	LX4	24,20	20,17	15,70	13,81	14,21	15,57	17,14	13,81	24,20
	LX5	12,71	13,06	13,48	13,88	14,21	14,69	15,17	12,71	15,17
	LX6	8,63	8,64	8,68	8,74	8,80	8,88	8,90	8,63	8,90
	LX11	8,24	8,14	8,23	8,45	8,50	8,51	8,51	8,14	8,51
Phía ven biển Tây	LX12	10,01	10,05	10,19	10,40	10,96	11,37	11,16	10,01	11,37
	LX7	9,39	9,47	9,56	9,63	9,73	9,89	10,17	9,39	10,17
	LX8	8,72	8,75	8,81	8,87	8,90	8,94	8,97	8,72	8,97
	LX9	12,89	13,11	13,04	12,35	12,67	14,08	15,90	12,35	15,90
LX10	LX10	8,62	8,88	8,93	8,75	8,59	8,57	8,51	8,51	8,93
<b>QCVN08 Cột A1</b>		4								
<b>QCVN08 Cột B1</b>		15								
<b>Vượt cột B1</b>		>15								
<b>Khuyến cáo</b>		- Từ ngày 28/2÷06/3/2023, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị Oxy sinh hóa dự báo tại tất cả các trạm đều vượt ngưỡng cho phép của cột A1 nhưng phần lớn vẫn nằm trong giới hạn cho phép của cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT nên người dân vẫn có thể yên tâm lấy nước cho mục đích tưới tiêu và hoạt động tương đương khác. - Riêng các trạm LX3 và LX4 được dự báo có nhiều ngày có Oxy sinh hóa vượt cột B1 nên người dân cần có biện pháp xử lý trước khi sử dụng nguồn nước.								

### 2.4. Amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup>)

Nồng độ NH<sub>4</sub><sup>+</sup> được dự báo trong HTTL TGLX dao động từ 0,19÷3,31 mg/l, giá trị NH<sub>4</sub><sup>+</sup> dự báo có xu hướng giảm tại phần lớn các trạm quan trắc (8/14 trạm) so với giá trị thực đo ngày 20/02/2023 (Bảng 4).

Bảng 4: Giá trị dự báo NH<sub>4</sub><sup>+</sup> tại các điểm giám sát từ 28/2÷06//2023

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		28/02	01/03	02/03	03/03	04/03	05/03	06/03	Min	Max

Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	0,42	0,39	0,37	0,39	0,44	0,47	0,50	0,37	0,50
	LX2	0,45	0,46	0,49	0,47	0,43	0,44	0,46	0,43	0,49
	LX13	0,81	0,84	0,88	0,89	0,87	0,84	0,85	0,81	0,89
	LX14	1,00	0,97	0,93	0,82	0,80	0,93	1,02	0,80	1,02
Khu vực giữa nội đồng	LX3	3,01	2,66	2,41	2,66	3,31	3,07	2,84	2,41	3,31
	LX4	2,45	2,46	2,48	2,58	2,76	2,97	3,01	2,45	3,01
	LX5	2,12	2,31	2,40	2,51	2,51	2,41	2,22	2,12	2,51
	LX6	0,36	0,36	0,35	0,34	0,35	0,35	0,35	0,34	0,36
	LX11	0,57	0,58	0,60	0,60	0,60	0,60	0,60	0,57	0,60
	LX12	0,29	0,46	0,42	0,21	0,19	0,20	0,26	0,19	0,46
Phía ven biển Tây	LX7	0,72	0,74	0,76	0,80	0,84	0,86	0,87	0,72	0,87
	LX8	0,92	1,00	1,11	1,28	1,30	1,28	1,19	0,92	1,30
	LX9	1,08	1,15	1,12	0,94	0,81	0,81	1,01	0,81	1,15
	LX10	0,83	0,96	1,02	1,01	0,97	0,92	0,86	0,83	1,02
<b>QCVN 08 Cột A1</b>	0,3									
<b>QCVN 08 Cột B1</b>	0,9									
<b>Vượt cột B1</b>	> 0,9									
<b>Khuyến cáo</b>	<p>- Từ ngày 28/2÷06/3/2023 giá trị amoni dự báo tại hầu hết các trạm quan trắc đều vượt ngưỡng cho phép của cột A1 nhưng phần lớn vẫn nằm trong giới hạn cho phép của cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT nên người dân vẫn có thể lấy nước cho mục đích tưới tiêu và hoạt động tương đương khác.</p> <p>- Riêng các trạm LX3, LX4 và LX5 có nồng độ amoni dự báo vẫn còn khá cao so với cột B1 nên người dân không nên lấy nước sử dụng tưới tiêu trồng trọt hoặc có biện pháp xử lý trước khi sử dụng.</p> <p>- Ngoài ra tại một số vị trí như LX8, LX9, LX10 và LX14 cần lưu ý do giá trị NH<sub>4</sub><sup>+</sup> dự báo vượt quá quy chuẩn cho phép của cột B1 ở mức độ thấp. Trong đó vị trí LX10 là khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên cần lưu ý hơn khi giá trị amoni tăng lên cao có thể gây độc cho tôm, trong giai đoạn này nếu chưa thực sự cần thiết thì nên hạn chế thay nước ao nuôi.</p>									

➤ **Khuyến cáo:**

- Dự báo trong tuần từ 28/02 – 06/03/2023, nhìn chung chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên được dự báo có xu hướng giảm xuống nhưng nguồn nước vẫn trong giới hạn cho phép để phục vụ tưới tiêu. Một số trạm quan trắc như LX3, LX4 và LX5 vẫn còn khả năng ô nhiễm dinh dưỡng nên người dân tại đây cần lưu ý khi sử dụng nguồn nước.

- Riêng khu vực nuôi trồng thủy sản ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên (trạm LX10) cần lưu ý hơn khi giá trị amoni có xu hướng tăng có thể gây độc cho tôm; trong tuần từ 28/02 – 06/03/2023 nếu chưa thực sự cần thiết thì nên hạn chế thay nước ao nuôi.

**PHỤ LỤC**

**Bảng 5: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 07/3÷13/3/2023**

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							%	
		07/03	08/03	09/03	10/03	11/03	12/03	13/03	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	0,02	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,02
	LX2	0,07	0,09	0,10	0,10	0,09	0,07	0,05	0,05	0,10
	LX13	0,08	0,09	0,10	0,10	0,11	0,11	0,11	0,08	0,11
	LX14	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03
Khu vực giữa nội đồng	LX3	0,10	0,12	0,13	0,14	0,15	0,15	0,16	0,10	0,16
	LX4	0,01	0,01	0,01	0,00	0,00	0,00	0,01	0,00	0,01
	LX5	0,14	0,16	0,17	0,18	0,18	0,18	0,17	0,14	0,18
	LX6	0,20	0,21	0,21	0,22	0,22	0,22	0,22	0,20	0,22
	LX11	0,01	0,01	0,01	0,02	0,02	0,02	0,02	0,01	0,02
	LX12	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
Phía ven biển Tây	LX7	0,01	0,01	0,02	0,03	0,03	0,03	0,03	0,01	0,03
	LX8	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	LX9	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	LX10	24,59	24,62	24,65	24,69	24,69	24,68	24,67	24,59	24,69
<b>Ranh mặn</b>		<1 ‰	1‰-4‰		>4‰					

**Bảng 6: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 07/3÷13/3/2023**

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		07/03	08/03	09/03	10/03	11/03	12/03	13/03	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	6,04	6,09	6,09	6,08	6,06	6,02	6,01	6,01	6,09
	LX2	5,57	5,53	5,46	5,38	5,29	5,22	5,19	5,19	5,57
	LX13	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98
	LX14	5,93	5,92	5,90	5,89	5,93	5,93	5,98	5,89	5,98
Khu vực giữa nội đồng	LX3	5,83	5,85	5,87	5,88	5,89	5,90	5,90	5,83	5,90
	LX4	5,93	5,94	5,94	5,93	5,93	5,93	5,93	5,93	5,94
	LX5	5,41	5,37	5,33	5,32	5,33	5,35	5,37	5,32	5,41
	LX6	5,95	5,99	6,04	6,08	6,10	6,09	6,07	5,95	6,10
	LX11	6,06	6,03	6,01	6,03	6,05	6,06	6,08	6,01	6,08
	LX12	5,45	5,44	5,43	5,44	5,48	5,53	5,54	5,43	5,54
Phía ven biển Tây	LX7	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98
	LX8	6,17	6,15	6,14	6,15	6,16	6,15	6,15	6,14	6,17
	LX9	5,79	5,79	5,77	5,75	5,75	5,77	5,79	5,75	5,79
	LX10	5,97	5,91	5,88	5,86	5,85	5,87	5,89	5,85	5,97
<b>QCVN 08 Cột A1</b>		≥6								
<b>QCVN 08 Cột B1</b>		≥4								
<b>Vượt cột B1</b>		<4								

**Bảng 7: Giá trị dự báo BOD<sub>5</sub> tại các điểm giám sát từ 07/3÷13/3/2023**

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		07/03	08/03	09/03	10/03	11/03	12/03	13/03	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	7,85	7,89	7,88	7,88	7,87	7,88	7,90	7,85	7,90
	LX2	6,86	6,85	6,85	6,89	6,94	6,97	7,00	6,85	7,00
	LX13	10,32	10,22	10,13	10,09	10,10	10,12	10,10	10,09	10,32
	LX14	12,92	13,15	13,15	12,90	12,58	12,36	12,28	12,28	13,15
Khu vực giữa nội đồng	LX3	20,01	20,69	21,20	21,83	21,79	20,49	18,83	18,83	21,83
	LX4	18,11	18,44	18,22	17,30	13,88	7,16	11,67	7,16	18,44
	LX5	15,61	15,73	15,74	15,72	15,37	14,66	14,08	14,08	15,74
	LX6	8,79	8,68	8,65	8,58	8,53	8,53	8,57	8,53	8,79
	LX11	8,44	8,43	8,47	8,57	8,58	8,47	8,33	8,33	8,58
	LX12	10,68	10,32	10,12	10,20	10,36	10,41	10,37	10,12	10,68
Phía ven biên Tây	LX7	10,27	9,98	9,61	9,44	9,43	9,46	9,50	9,43	10,27
	LX8	8,94	8,93	8,92	8,85	8,77	8,73	8,73	8,73	8,94
	LX9	17,30	17,22	16,08	14,39	13,02	12,75	12,53	12,53	17,30
	LX10	8,52	8,54	8,53	8,48	8,43	8,41	8,41	8,41	8,54
<b>QCVN08 Cột A1</b>	4									
<b>QCVN08 Cột B1</b>	15									
<b>Vượt cột B1</b>	>15									

**Bảng 8: Giá trị dự báo NH<sub>4</sub><sup>+</sup> tại các điểm giám sát từ 07/3÷13/3/2023**

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		07/03	08/03	09/03	10/03	11/03	12/03	13/03	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	0,49	0,44	0,41	0,41	0,41	0,42	0,42	0,41	0,49
	LX2	0,48	0,49	0,51	0,54	0,56	0,56	0,56	0,48	0,56
	LX13	0,86	0,88	0,89	0,90	0,90	0,88	0,88	0,86	0,90
	LX14	1,07	1,10	1,13	1,12	1,06	1,01	0,99	0,99	1,13
Khu vực giữa nội đồng	LX3	2,60	2,55	2,60	2,66	2,72	2,76	2,77	2,55	2,77
	LX4	2,66	2,41	2,66	3,31	3,07	2,84	2,60	2,41	3,31
	LX5	2,07	2,00	1,96	1,91	1,89	1,91	1,95	1,89	2,07
	LX6	0,33	0,33	0,33	0,33	0,33	0,34	0,34	0,33	0,34
	LX11	0,60	0,59	0,58	0,57	0,58	0,59	0,60	0,57	0,60
	LX12	0,35	0,40	0,41	0,40	0,39	0,38	0,39	0,35	0,41
Phía ven biên Tây	LX7	0,89	0,86	0,84	0,84	0,82	0,78	0,76	0,76	0,89
	LX8	1,11	1,04	0,99	0,97	0,96	0,96	0,96	0,96	1,11
	LX9	1,35	1,65	1,47	1,04	0,89	1,03	1,19	0,89	1,65
	LX10	0,77	0,70	0,68	0,69	0,73	0,79	0,88	0,68	0,88
<b>QCVN 08 Cột A1</b>	0,3									
<b>QCVN 08 Cột B1</b>	0,9									
<b>Vượt cột B1</b>	> 0,9									